

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2021/HC-PT

Ngày: 12 - 4 - 2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Nhựt Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hồng Phong

Bà Mai Thị Tú Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 587/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 67/2020/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 399/2021/QĐPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Võ Thị N, sinh năm 1936 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Đặng Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2020)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:** Luật sư Phạm Thị L - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa Bình - Đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện pháp luật:* Ông Nguyễn Văn K, Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Thu H, sinh năm: 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: 37/39 Lê Thị Đ, Phường 3, thành phố A, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Bà Đoàn Thị Phương D, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: 16A đường Nguyễn Đình C, Phường 1, thành phố A, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020)

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Thu H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Người khởi kiện là bà Võ Thị N do bà Đặng Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thửa đất 307, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa 234, tờ bản đồ số 8) diện tích 1.519m<sup>2</sup> loại đất lúa có nguồn gốc do bà Võ Thị N được cha mẹ là ông Võ Văn Cang (chết năm 1994) và bà Nguyễn Thị Khá (chết năm 1993) cho và sử dụng ổn định từ năm 1966 đến nay. Năm 2020, bà N đi kê khai, biết được cháu ruột là Võ Thị Thu H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho bà Võ Thị Thu H đối với thửa 307, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa 234, tờ bản đồ số 8) diện tích 1.519m<sup>2</sup>, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người bị kiện là UBND huyện C không có ý kiến trình bày và có văn bản vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Thu H do bà Đoàn Thị Phương D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc thửa 307 diện tích 1.519m<sup>2</sup> là của ông bà nội bà H (ông Võ Văn Cang và bà Nguyễn Thị Khá) cho cha bà H là ông Võ Văn Tư năm 1990. Năm 1996, ông Võ Văn Tư được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 202682 gồm nhiều thửa trong đó có thửa 307. Liên kế thửa 307 là thửa 308 của bà Võ Thị N. Năm 1998, cha mẹ bà H chết nên bà H được anh chị em trong gia đình giao sử dụng diện tích 7.224m<sup>2</sup> trong đó có thửa 307. Thời điểm bà H được giao đất, thửa 307 là vùng nước trũng sâu nên bà H không trồng lúa mà thả cá để ăn trong gia đình. Do bà H công tác tại Tỉnh đoàn Long An nên nhờ em là Võ Văn Sang trông coi dùm. Năm 2011, bà N tự ý mức đất,

đắp bờ để đi ra đường và chia thửa 307 thành 02 phần, 01 phần bà N đào ao nuôi tôm và 1 phần ao nuôi cá. Cùng năm 2011, bà H tranh chấp và tại biên bản hòa giải của UBND xã T, cán bộ xã xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh bà N đứng tên và lập biên bản hòa giải không thành, sau đó phía bà N không tranh chấp tiếp. Năm 2013, bà H làm thủ tục thừa kế và được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 809713 ngày 29/3/2013. Năm 2014, bà H cho gia đình bà N mượn nuôi tôm, được 02 năm, phía bà N trả đất. Năm 2020, gia đình bà N tiếp tục đào ao nuôi tôm nên bà H tranh chấp. Do đó, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N và đề nghị xem xét thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2020/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 809713 ngày 29/3/2013 do UBND huyện C cấp cho bà Võ Thị Thu H đối với thửa 307, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa 234, tờ bản đồ số 8) diện tích 1.519m<sup>2</sup>, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Long An.

UBND huyện C có trách nhiệm thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 307, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa 234, tờ bản đồ số 8) đúng đối tượng và đúng diện tích sử dụng theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Thu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên toà phúc thẩm:**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Thu H (có bà Đoàn Thị Phương D đại diện theo ủy quyền) vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ khởi kiện của bà Võ Thị N vì thửa đất 307, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa 234, tờ bản đồ số 8), diện tích 1.519m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An, có nguồn gốc của ông bà nội là ông Võ Văn Cang và bà Nguyễn Thị Khá cho cha bà H là ông Võ Văn Tư. Năm 1996, ông Tư được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 202682 gồm nhiều thửa trong đó có thửa 307. Năm 1998, cha mẹ bà H chết nên bà H được anh chị em trong gia đình giao diện tích đất 7.224m<sup>2</sup> trong đó có thửa 307. Thời điểm bà H được giao đất, thửa 307 là vùng nước trũng sâu nên thả cá để ăn trong gia đình. Do bà H công tác tại Tỉnh đoàn Long An nên nhờ em là Võ Văn Sang trông coi dùm. Năm 2011, bà N tự ý mức đất, đắp bờ để đi ra đường và chia thửa 307 thành 02 phần, một phần bà N đào ao nuôi tôm và một phần ao nuôi cá. Cùng năm 2011, bà H tranh chấp, UBND xã T lập biên bản hòa

giải không thành, sau đó phía bà N không tranh chấp tiếp. Năm 2013, bà H làm thủ tục thừa kế và được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 809713 ngày 29/3/2013. Năm 2014, bà H cho gia đình bà N mượn nuôi tôm, được 02 năm thì trả đất lại cho bà H.

Người khởi kiện là bà Võ Thị N (có bà Đặng Thị T đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phạm Thị L phát biểu ý kiến cho rằng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng vì nguồn gốc đất tranh chấp, bà N đã được cha mẹ cho từ năm 1966 và sử dụng từ đó đến nay nên UBND huyện C cấp quyền sử dụng cho bà H là sai đối tượng. Sở dĩ, bà H có sử dụng một phần đất là do trước đây bà N có cho ông Sang là em bà H thả cá để nuôi. Sau đó, ông Sang để lại cho bà H sử dụng. Ngoài ra, bà N không yêu cầu Tòa án hủy giấy của ông Tư vì ông Tư đã chết và hiện nay thửa 307 bà H đã được cấp giấy chứng nhận nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 809713 ngày 29/3/2013 của bà H. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện là UBND huyện C, tỉnh Long An xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện là UBND huyện C, tỉnh Long An, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt người bị kiện.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Thu H (có bà Đoàn Thị Phương D đại diện theo ủy quyền) kháng cáo cho rằng nguồn gốc

phần đất tranh chấp là do ông bà nội (cụ Cang, cụ Khá) cho cha bà là ông Võ Văn Tư. Ông Tư đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Sau khi ông Tư chết, các anh chị em bà H đã thống nhất giao cho bà H sử dụng thửa 307 nêu trên. Năm 2013, bà H làm thủ tục thừa kế và được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 809713 là đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N. Bà N cho rằng được cụ Cang, cụ Khá (cha mẹ bà N) tặng cho phần đất này từ năm 1966, đến nay bà N vẫn đang sử dụng.

[3] Như vậy, các bên đương sự khai nhận thống nhất nguồn gốc phần đất tại thửa 307 là do cụ Võ Văn Cang và cụ Nguyễn Thị Khá tạo lập nhưng lại mâu thuẫn về người được hưởng di sản do cụ Cang và cụ Khá để lại và người trực tiếp sử dụng phần đất nêu trên. Xét thấy, ngoài lời trình bày của bà N, bà H tại mục [2], các đương sự đều không có tài liệu chứng cứ chứng minh có việc tặng cho hay thừa kế quyền sử dụng đất. Lẽ ra, để giải quyết mâu thuẫn này, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải thu thập hồ sơ liên quan đến quá trình UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 307; thu thập lời khai, ý kiến trình bày của những người thừa kế của ông Võ Văn Tư, để làm cơ sở xác định lời trình bày của bà H, bà N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện lại chấp nhận yêu cầu của bà N là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[4] Ngoài ra, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/7/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện hiện trạng thửa 307 tách thành 02 phần: 01 phần do gia đình bà N đang nuôi tôm, phần còn lại là ao do bà H dùng để nuôi cá. Tại bản tự khai ngày 14/8/2020 (BL 69) bà H trình bày, bà N đã trông coi giữ gìn nhà cửa đất đai giùm cho ông Võ Văn Tư từ trước năm 1990. Sau khi ông Tư chết, bà H được giao thửa 307 nhưng thời điểm đó thửa 307 là trũng nước sâu chỉ để nuôi cá. Năm 2011 bà N đã mót đất, đắp bờ chắn ngang, chia thửa 307 thành 02 phần như hiện trạng. Tại các bản tự khai của những người làm chứng là các ông bà Châu Văn Võ, Võ Văn Hồng, Châu Văn Bình, Võ Văn Nhỏ, Huỳnh Thị Ngọc Bích, Võ Văn Thành, Kiều Thị Khen, Phạm Thị Trúc Linh, Đỗ Văn Dũng xác định bà N quản lý canh tác làm lúa trên thửa 307, đến năm 2011 thì sử dụng 01 phần để nuôi tôm, phần còn lại làm ruộng lã. Trong khi các ông bà Nguyễn Thị An, Châu Thanh Bình, Huỳnh Hữu Tài, Nguyễn Văn Yêm khai nhận, người trông coi đất có thả nuôi cá là ông Võ Văn Sang (em bà H). Như vậy, khai nhận của những người làm chứng có mâu thuẫn với nhau do vậy để xác định người trực tiếp sử dụng canh tác phần đất này cần phải thu thập chứng cứ làm rõ trên thửa đất 307 có trũng nước, sau đó, đào thành ao nuôi tôm, ao nuôi cá từ khi nào và do ai là người đào ao, canh tác sử dụng. Ngoài ra, cũng chưa thu thập chứng cứ lấy lời khai ông Sang vì bà N bà H đều có khai nhận ông

Sang là người có thời gian sử dụng ao để nuôi cá, vậy ông Sang sử dụng với tư cách gì. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ những vấn đề trên là thiếu sót.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H (có bà D đại diện theo ủy quyền) căn cứ biên bản hòa giải ngày 08/12/2011 của UBND xã T với nội dung: *“Qua xác minh các nhân chứng cung cấp bà N đã canh tác, sản xuất phần đất trên từ nhỏ cho đến nay, mặc dù giấy chứng nhận là do anh của bà N đứng tên”* cho rằng bà N đã biết việc ông Tư được cấp giấy chứng nhận từ năm 2011. Với nội dung này, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải thu thập chứng cứ làm rõ số thửa, vị trí đất bà N canh tác sử dụng có phải là thửa đất đang tranh chấp hay không, cũng như quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tư vào năm 1996, vì sao bà N là người sử dụng đất nhưng lại cấp giấy chứng nhận cho người khác, từ đó mới có cơ sở xem xét trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà H có đúng quy định hay không nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[6] Hơn nữa, hồ sơ vụ án thể hiện, theo khai nhận của các đương sự, bản chất của vụ án là tranh chấp di sản thừa kế do cụ Cang, cụ Khá để lại, cụ thể là quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt, do vậy, được giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ bản chất của yêu cầu, khai nhận của các đương sự để từ đó xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 34 Luật tố tụng hành chính là giải quyết chưa phù hợp với quy định pháp luật và triệt để các yêu cầu của đương sự.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo là bà Võ Thị Thu H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 67/2020/HC-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định

pháp luật.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Thị Thu H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Võ Thị Thu H 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008587 ngày 01/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, TP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

**Phan Nhựt Bình**